TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải
Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: thôn Bến, xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
Nơi ở: thôn Cầu Cần, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: anh Giáp Văn T, sinh năm 1986 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Giáp Văn T kết hôn tháng 9 năm 2019, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh T, vợ chồng chị chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại thôn B, xã L. Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến ngày 10/10/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T đi làm uống rượu về đánh đập chị và con. Tháng 10 năm 2022, chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã V sinh sống từ đó cho đến nay. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T có đến để khuyên bảo chị về nhưng chị xác định mẫu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T thường xuyên đánh chị, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020, hiện nay cháu T1 đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị H có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Chị đề nghị cho chị được nuôi con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Giáp Văn T trình bày:

Anh và chị H kết hôn tháng 9 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu nhà anh, vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ anh ở thôn B, xã L. Trong cuộc sống hàng ngày anh thỉnh thoảng uống rượu nên đã xảy ra mâu thuẫn. Tháng 10 năm 2022, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã V ở từ đó cho đến nay. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở anh có lên nhà bố mẹ chị H để bảo chị H về, vợ chồng đoàn tụ nuôi dậy con nhưng chị H không về. Đến nay, anh thấy tình cảm của anh đối với chị H vẫn còn, chị H làm đơn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh và chị H có con chung 01 con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020, hiện nay cháu T1 đang ở với chị H, vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh T có mặt xác định vẫn còn tình cảm với chị H, anh không đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Giáp Văn T.

Về con chung: giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Giáp Văn T có nơi cư trú tại: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T kết hôn tháng 9 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H cho rằng anh T đi làm uống rượu về thường xuyên đánh chị. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn với chị H. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương xác nhận trong quá trình chung sống chị H và mẹ anh T có xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu. Vợ chồng chị H và anh T2 xảy ra mâu thuẫn do anh T uống rượu, hiện anh T, chị H đã ly thân hơn một năm nay. Hội đồng xét xử thấy hiện chị H, anh T sống ly thân từ tháng 10 năm 2022. Trong thời gian sống ly thân, anh T có khuyên bảo chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị H cương quyết xin ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020. Vợ chồng ly hôn chị H, anh T đều xin được nuôi dưỡng con chung. Chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H làm công nhân may thu nhập 7.000.000 đồng/ tháng, anh T ở nhà làm ruộng và làm nghề thợ xây. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận hiện nay chị H, anh T có thu nhập đảm bảo cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy: chị H và anh T có một con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020 chưa thành niên nhưng cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1. Chị H, anh T đều có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng ly thân, cháu T1 ở với chị H tại nhà bố mẹ đẻ của chị H thôn C, xã V. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, chăm sóc cháu T1 nên cần giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H, anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Giáp Văn T.

2.Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi con chung là Giáp Thị Bảo T1, sinh ngày 08/6/2020. Anh Giáp Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006625 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh